TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **CHI NHÁNH LONG THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1632 /TTPTQĐ.CNLT-TBT3 Đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B đoạn qua xã Phước Thái.	*Long Thành, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

Kính gửi:

- UBND xã Phước Thái;
- Phòng Kinh tế xã Phước Thái.

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 28/8/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành có Phương án số 1348/PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT3 về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiệm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập) đoạn qua xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Tổng số trường hợp: **48 trường hợp /47 thửa.**

2. Tổng diện tích đất thu hồi: **36.283,8 m²**. Trong đó:

- Đất nông nghiệp (CLN, BHK, NTS, RSX, LUC, LUK): **34.042,0 m².**
- Đất phi nông nghiệp: **773,3 m².**
- Đất công do UBND xã quản lý: **1.468,5 m².**

3. Phương án đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có.

4. Phương án bố trí tái định cư: **05 trường hợp.**

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

7. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **37.523.739.208 đồng.**

(Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm lẻ tám đồng chẵn)

(Đính kèm Phương án số 1348/PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT3 ngày 28/8/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành)

Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành kiến nghị UBND xã Phước Thái xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên (đính kèm hồ sơ);
- BGĐ TTPTQĐ.CNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật, Sơn);
- Tổ KH-TC (đ/c Minh);
- Nhóm nghiệp vụ (đ/c Triều, Khanh);
- Lưu: VT (đ/c Hường).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **CHI NHÁNH LONG THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1348 /PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT3	*Long Thành, ngày 28 tháng 8 năm 2026.*

PHƯƠNG ÁN

Về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường ĐT 770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiệm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập) đoạn qua xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai – đợt 6

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy đinh về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy đinh Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố Đồng Nai sửa đổi, bổ sung phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Chủ trương đầu tư và điều chỉnh Chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5355/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự án xây dựng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiệm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập).

Căn cứ các thông báo thu hồi đất ngày 23/3/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh đoạn qua xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó "Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó". Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Phước Thái chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2, 3, 4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Đầu tư xây dựng đường ĐT 770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiệm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập) đoạn qua xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai - Đợt 6 cụ thể như sau:

I/. Về trách nhiệm trong việc xác nhận hồ sơ, thẩm tra, lập phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt:

Căn cứ khoản 5, Điều 224 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định *"Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó"*;

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024: *"Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó".*

Về trách nhiệm: Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành không chịu trách nhiệm về những sai sót đối với việc cấp giấy CNQSD đất không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc. Các sai sót trong việc cấp giấy CNQSD đất trước đây không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc do các Tổ chức, cá nhân đã thực hiện phải chịu trách nhiệm;

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành căn cứ vào hồ sơ bồi thường đã được các cơ quan đơn vị xác nhận, thẩm tra, chấp thuận để áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong công tác áp giá số lượng, số liệu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt; không chịu trách nhiệm về các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận, thẩm tra, thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi: **47 thửa/36.283,8 m^2**. Trong đó:

- Đất nông nghiệp (CLN, BHK, NTS, RSX, LUC, LUK): **34.042,0 m^2.**

- Đất phi nông nghiệp: **773,3 m^2.**

- Đất công do UBND xã quản lý: **1.468,5 m^2.**

1.1. Bồi thường đất:

Căn cứ Điều 95, 96, 101, 107 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND thành phố Đồng Nai.

Về loại đất, diện tích, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái trong giấy xác nhận nguồn gốc đất (mẫu 2), UBND xã Phước Thái chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận này.

Về vị trí đất, thông tin thửa đất thu hồi: Căn cứ Danh sách xác định vị trí các thửa đất và các Phiếu cung cấp thông tin của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác trên đất:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái về nguồn gốc thời điểm xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác, xác nhận không bị lập biên bản về vi phạm trong quá trình xây dựng *(theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh)*. UBND xã Phước Thái chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đối với các tài sản, công trình phục vụ kinh doanh, UBND xã chưa thực hiện đánh cấp, phân loại nhà, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành có Văn bản số 1274/TTPTQĐ.CNLT-TBT3 gửi UBND xã Phước Thái đề nghị kiểm

tra tính pháp lý, hợp pháp, điều kiện bồi thường, hỗ trợ, do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất chưa tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các loại công trình, tài sản nêu trên. Sau khi UBND xã Phước Thái có ý kiến cụ thể về điều kiện bồi thường, hỗ trợ, đánh cấp, phân loại nhà, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung (nếu đủ điều kiện).

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố Đồng Nai.

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này *(có tính mật độ cây trồng theo quy định của UBND thành phố Đồng Nai).*

Đối với các trường hợp thu hồi đất lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên đất có các loại cây trồng được hỗ trợ thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm **nhân với 80%** đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất căn cứ mẫu số 03 do Công an xã Phước Thái xác nhận và mẫu số 04 do UBND xã Phước Thái xác nhận các trường hợp đủ điều kiện *(theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)*. Hiện nay, chưa thành lập tổ công tác thực hiện xác minh nghề nghiệp cụ thể từng trường hợp làm cơ sở xác nhận đối với các trường hợp thuộc điểm d khoản 1 điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP *(theo nội dung Văn bản số 846/CATP-PV01-PC06 ngày 11/6/2026 của Công an thành phố Đồng Nai về việc hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong mẫu xác nhận số 03 theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND phục vụ công tác bồi thường trên toàn quốc),* do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất chưa áp giá hỗ trợ. Sau khi tổ chức xác minh, xác nhận bổ sung đầy đủ nội dung, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung (nếu xác nhận đủ điều kiện).

- Các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có văn bản gửi đến công an Phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

1.5. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

Tổng số trường hợp: **48 trường hợp**. Trong đó:

- 38 trường hợp có đất thu hồi.
- 01 trường hợp có tài sản trên đất người khác.
- 09 trường hợp bổ sung.

3. Phương án đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: **Không có.**

4. Phương án bố trí tái định cư: **05 trường hợp (đã có Quyết định phê duyệt).**

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: **Không có.**

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: **Không có.**

7. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **37.523.739.208 đồng.**

(Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm lẻ tám đồng chẵn).

Trong đó:

- Bồi thường đất:	27.453.893.215 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc:	7.880.864.159 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:	485.335.412 đồng.
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	26.727.705 đồng.
- Thưởng di dời:	408.000.000 đồng.
- Kinh phí cho UBND xã Phước Thái (0,525%):	190.337.807 đồng.
- Kinh phí cho TTPTQĐ CN Long Thành (2,975%):	1.078.580.910 đồng.

(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ).

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Sau Khi UBND xã Phước Thái ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Đồng thời chủ đầu tư thực hiện việc chuyển đầy đủ kinh phí theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ lập thủ tục, thực hiện chi trả theo quy định.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Đính kèm 48 phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

10. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách

đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Đối với các trường hợp tại số thứ tự số 32, 33, 34, 35, 36 trong bảng tổng hợp kèm theo phương án đã được UBND xã Phước Thái ban hành Quyết định phê duyệt giao đất ở tại khu tái định cư Long Phước tại xã Long Phước. Hiện nay, các hộ dân chưa được tổ chức thực hiện bốc thăm, nhận đất tái định cư nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chưa có cơ sở phối hợp các đơn vị liên quan để tính toán phần chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của lô đất tái định cư so với số tiền được bồi thường về đất để khấu trừ nghĩa vụ tài chính trong phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Đối với các trường hợp tại số thứ tự số 37, 38 trong bảng tổng hợp kèm theo phương án. Theo giấy xác nhận Nguồn gốc đất của UBND xã Phước Thái thể hiện các trường hợp nêu trên bị thu hồi hết đất ở, không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, hiện nay UBND xã Phước Thái chưa thực hiện xét tái định cư. Sau khi UBND xã tổ chức họp, xét tái định cư trường hợp đủ điều kiện, sẽ thực hiện tính toán phần chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của lô đất tái định cư so với số tiền được bồi thường về đất để khấu trừ nghĩa vụ tài chính trong phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Để đảm bảo tiến độ giải ngân thực hiện dự án theo ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố Đồng Nai. Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất trình thẩm định, phê duyệt (chưa thực hiện việc khấu trừ nghĩa vụ tài chính trong phương án).

Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành kiến nghị UBND xã, Hội đồng bồi thường dự án xem xét, chấp thuận chủ trương lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo nội dung nêu trên để chi trả cho các hộ dân (tạm thời chưa thực hiện việc khấu trừ nghĩa vụ tài chính trong phương án bồi thường đối với các trường hợp được bố trí tái định cư nhằm rút ngắn thời gian giải phóng mặt bằng của dự án). Sau khi các hộ được bốc thăm, nhận đất tái định cư, các hộ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất của lô tái định cư) khi lập thủ tục đề nghị cấp giấy CNQSD đất của lô đất tái định cư theo quy định.

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B, (huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh) đoạn qua xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- UBND xã Phước Thái;
- Phòng Kinh tế xã Phước Thái;
- BGĐ. TTPTQĐ CNLT;
- Tổ Bồi thường (đ/c Nhật, Sơn);
- Nhóm nghiệp vụ (đ/c Triều, Khanh);
- Lưu: VT (Hường).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Long thành, ngày tháng 8 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Thuộc dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT 770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh đoạn qua xã Phước Thái

(Đính kèm Phương án số 1348 /PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT3 ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành).

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Tổng diện tích bồi thường (m2)	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp														
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất									
I. Các trường hợp có đất bị thu hồi																					
1	Nguyễn Thị Thu Cúc	Ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**84,4**	**84,4**	10,0	10	**74,4**	74,4	-	-	-	-	-	119.560.000	165.033.606	-	-	16.000.000	**300.593.606**	
2	Phạm Thị Bạch Hường	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**100,4**	**100,4**	-	-	**100,4**	100,4	-	-	-	-	-	-	439.024.120	-	-	16.000.000	**455.024.120**	
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**894,8**	**894,8**	-	-	**894,8**	-	-	-	894,8	-	-	947.145.800	-	-	-	20.000.000	**967.145.800**	
4	Tống Văn Tý	Ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**147,4**	**147,4**	-	-	**147,4**	-	147,4	-	-	-	-	44.883.300	-	-	921.645	4.000.000	**49.804.945**	
5	Vũ Văn Lân	ấp 4, xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai	**132,9**	**132,9**	-	-	**132,9**	-	-	-	132,9	-	-	42.202.395	-	2.088.528	-	4.000.000	**48.290.923**	
6	Vũ Ngọc Hoàng	xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	**493,2**	**493,2**	-	-	**493,2**	-	493,2	-	-	-	-	150.179.400	-	-	-	-	**150.179.400**	
7	Chu Đình Phùng	tổ 1, ấp 3, xã Phước Thái thành phố Đồng Nai	**120,7**	**120,7**	-	-	**120,7**	120,7	-	-	-	-	-	127.760.950	75.237.691	1.085.318	-	16.000.000	**220.083.959**	
8	Đào Thị Yên; Vũ Thọ	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**552,7**	**552,7**	-	-	**552,7**	-	-	-	552,7	-	-	175.509.885	-	4.584.168	-	12.000.000	**192.094.053**	
9	Mai Thành Đồng (đang tranh chấp) - Thửa 99, tờ BĐ số 15	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Hồ Chí Minh	**2.837,7**	**2.837,7**	-	-	**2.837,7**	-	-	-	2837,7	-	-	901.111.635	-	18.668.635	-	-	**919.780.270**	
10	Điểu Chức	ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**940,0**	**940,0**	-	-	**940,0**	-	-	-	-	940	-	233.073.000	-	6.886.929	921.645	16.000.000	**256.881.574**	
11	Phạm Bảo (Chết) - Chưa xác định người thừa kế (Thửa 59, tờ BĐ số 125)	phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	**49,1**	**49,1**	-	-	**49,1**	49,1	-	-	-	-	-	14.950.950	-	-	-	-	**14.950.950**	
12	Phạm Bảo (chết) - Chưa xác định người thừa kế (Thửa 108, tờ 125)	xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**1.616,2**	**1.616,2**	-	-	**1.616,2**	1616,2	-	-	-	-	-	492.132.900	-	-	-	-	**492.132.900**	
13	Nguyễn Công Điệp (Thửa 109, tờ BĐ số 125)	ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**296,6**	**296,6**	-	-	**296,6**	296,6	-	-	-	-	-	90.314.700	-	1.320.597	-	-	**91.635.297**	
14	Nguyễn Kim Thanh	ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**747,0**	**747,0**	-	-	**747,0**	-	-	-	747	-	-	227.461.500	-	117.581.568	-	-	**345.043.068**	
15	Tạ Văn Vinh (ĐG) - Nguyễn Thành Long (Sử dụng)	thành phố Đồng Nai	**27,7**	**27,7**	-	-	**27,7**	-	27,7	-	-	-	-	8.434.650	-	502.050	-	-	**8.936.700**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Tổng diện tích bồi thường (m2)	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp														
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất									
16	Lê Thị Ngọc Dung	Thành phố Hồ Chí Minh	**667,0**	**667,0**	-	-	**667,0**	-	667	-	-	-	-	203.101.500	-	2.061.456	-	16.000.000	**221.162.956**	
17	Lưu Thị Thu Nga	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai.	**892,5**	**892,5**	-	-	**892,5**	-	-	-	892,5	-	-	746.242.500	35.390.560	1.514.400	-	20.000.000	**803.147.460**	
18	Hoàng Tuấn Khanh	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**107,0**	**107,0**	-	-	**107,0**	-	-	107	-	-	-	-	751.025.992	-	-	20.000.000	**771.025.992**	
19	Nguyễn Thị Thanh Thái	Ấp 3, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	**3.876,7**	**3.876,7**	-	-	**3.876,7**	883,5	2729,5	-	263,7	-	-	2.619.425.000	-	-	3.686.580	20.000.000	**2.643.111.580**	
20	Nguyễn Văn Quý	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**290,0**	**290,0**	-	-	**290,0**	-	-	-	290	-	-	306.965.000	-	-	-	16.000.000	**322.965.000**	
21	Trương Văn Chi (đứng giấy - chết) - Lê Thị Khương - Trương Thị Khoa, Trương Đắc Kao, Trương Long Kỳ, Trương Quốc Khánh, Trương Đại Khiêm	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**1.713,0**	**1.713,0**	-	-	**1.713,0**	701,9	1011,1	-	-	-	-	898.257.600	-	26.672.492	-	20.000.000	**944.930.092**	
22	Hoàng Vũ ; Nguyễn Ngọc Thành	thành phố Hồ Chí Minh	**479,6**	**479,6**	-	-	**479,6**	479,6	-	-	-	-	-	347.710.000	-	7.187.940	-	16.000.000	**370.897.940**	
23	Lưu Văn Đại (đứng giấy - chết) - Phan Thị Lang (Long) sử dụng - chưa xác định người thừa kế	xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	**678,6**	**678,6**	-	-	**678,6**	678,6	-	-	-	-	-	516.548.000	-	-	-	-	**516.548.000**	
24	Phan Thị Lang (đứng giấy) - chết - chưa xác định người thừa kế	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**193,4**	**193,4**	-	-	**193,4**	-	193,4	-	-	-	-	204.713.900	178.873.624	2.406.649	-	-	**385.994.173**	
25	Phạm Bích Liên	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**56,8**	**56,8**	-	-	**56,8**	56,8	-	-	-	-	-	-	420.828.852	1.009.059	-	16.000.000	**437.837.911**	
26	Hoàng Minh Đức	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**57,0**	**57,0**	-	-	**57,0**	57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
27	Nguyễn Mậu Vương	ấp 7, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	**405,5**	**405,5**	-	-	**405,5**	405,5	-	-	-	-	-	123.474.750	-	2.155.400	921.645	12.000.000	**138.551.795**	
28	Vắng chủ (tờ bản đồ số 127, thửa đất số 266)	Chưa xác định	**1,9**	**1,9**	-	-	**1,9**	-	1,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
29	UBND xã Phước Thái	ấp Long Phú xã Phước Thái	**91,1**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**91,1**	-	-	-	-	-	-	
30	UBND xã Phước Thái	ấp Long Phú xã Phước Thái	**1.377,4**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**1.377,4**	-	-	-	-	-	-	
31	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai	khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Đồng Nai	**7.233,4**	**7.233,4**	-	-	**7.233,4**	7233,4	-	-	-	-	-	108.501.000	-	-	-	-	**108.501.000**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Tổng diện tích bồi thường (m2)	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp														
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất									
32	Nguyễn Quang Sửu; Đỗ Thị Thùy Nhiên	15/18 Khu phố 9, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai	**1.505,6**	**1.505,6**	300,0	300	**1.205,6**	1205,6	-	-	-	-	-	4.862.927.600	-	540.978	-	20.000.000	**4.883.468.578**	
33	Nguyễn Khánh Hoàng	khu phố 8, phường Tân Mai, thành phố Đồng Nai	**641,3**	**641,3**	25,0	25	**616,3**	616,3	-	-	-	-	-	951.253.550	66.046.280	172.153	-	20.000.000	**1.037.471.983**	
34	Hoàng Nhật Tân	ấp 3, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	**111,5**	**111,5**	111,5	111,5	-	-	-	-	-	-	-	1.333.094.000	1.094.158.360	36.700	-	20.000.000	**2.447.289.060**	
35	Nguyễn Thị Kim Thanh	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**638,8**	**638,8**	125,0	125	**513,8**	513,8	-	-	-	-	-	2.038.357.300	-	2.716.000	14.746.320	20.000.000	**2.075.819.620**	
36	Trần Thị Hồng	tổ 3B, ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**111,8**	**111,8**	111,8	111,8	-	-	-	-	-	-	-	1.336.680.800	866.645.510	-	-	20.000.000	**2.223.326.310**	
37	Lưu Chí Thiện	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**5.450,9**	**5.450,9**	65,0	65	**5.385,9**	5385,9	-	-	-	-	-	6.308.543.450	1.554.325.279	111.770.358	-	20.000.000	**7.994.639.087**	
38	Lưu Minh Đạt	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	**662,2**	**662,2**	25,0	25	**637,2**	625	-	-	12,2	-	-	973.376.200	-	-	-	20.000.000	**993.376.200**	
II. Các trường hợp có tài sản trên đất người khác																					
39	Phan Thị Chi (tài sản trên đất thửa 21 tờ 50)	ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	68.160.960	-	-	-	**68.160.960**	
III. Các trường hợp bổ sung																					
40	Lương Thị Minh Tú - Nguyễn Văn Sơn (Bổ sung)	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	401.450.688	1.360.200	-	8.000.000	**410.810.888**	
41	Phạm Văn Mừng - Đỗ Thị Ngọc Châu (Bổ sung)	ấp 7, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104.045.400	123.650.940	-	-	**227.696.340**	
42	Trần Thị Hựu (Bổ sung)	ấp 7, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.059.920	921.645	-	**23.981.565**	
43	Trần Thị Diện (Bổ sung)	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	303.636.301	-	3.686.580	-	**307.322.881**	
44	Nguyễn Thị Mậu Cẩm (Bổ sung)	xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.335.042	23.895.175	921.645	-	**96.151.862**	
45	Lê Văn Tiến (Bổ sung)	Ấp Tân Hiệp 2, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	426.232.648	2.407.799	-	-	**428.640.447**	
46	Trần Sỹ Thúy (Bổ sung)	Ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	368.783.450	-	-	-	**368.783.450**	
47	Lê Bình (Bổ sung)	498 Nơ Trang Long, phường 13, thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58.751.624	-	-	-	**58.751.624**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m²)									Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Tổng diện tích bồi thường (m2)	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp													
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất								
48	Huỳnh Ngọc Sương (Bổ sung)	ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	431.878.172	-	-	-	**431.878.172**	
Tổng			**36.283,8**	**34.815,3**	**773,3**	**773,3**	**34.042,0**	**21.100,3**	**5.271,2**	**107,0**	**6.623,5**	**940,0**	**1.468,5**	**27.453.893.215**	**7.880.864.159**	**485.335.412**	**26.727.705**	**408.000.000**	**36.254.820.491**	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			**36.254.820.491**	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																			**1.268.918.717**	
- Kinh phí cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất 2,975 %																			**1.078.580.910**	
- Kinh phí cho UBND xã Phước Thái 0,525 %																			**190.337.807**	
Tổng cộng (1+2):																			**37.523.739.208**	
Ba mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm lẻ tám đồng chẵn																				

LẬP BIỂU	KIỂM TRA	TỔ TRƯỞNG TỔ BỒI THƯỜNG	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mộng Hường	Lê Hoàng Khanh	Huỳnh Minh Nhật	Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH